zhuàn gǎo rén

撰稿人

noun · writer, contributor

Example Sentences

Tā shì zhè běn zá zhì de zhuàn gǎo rén
他是这本杂志的撰稿人。

He is a contributor to this magazine.

Bào shè xū yào zhāo pìn yī míng zhuàn gǎo rén
报社需要招聘一名撰稿人。

The newspaper needs to hire a writer.

Trace each character, then write the word on your own.

撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰

撰 撰 撰 撰 撰 撰 撰

稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿

稿 稿 稿 稿 稿 稿 稿

人 人 人 人 人